

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 57/2019/DS-GĐT

Ngày 03/10/2019

Vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán Lại Văn Trình - Phó Chánh án làm chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán Lê Tự - Thành viên

Thẩm phán Trương Minh Tuấn - Thành viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Châu - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1965; cư trú: Khóm F, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980; cư trú: Khóm F, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Thế Nh, sinh năm 1979; Khóm F, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 17/01/2018, bà Nguyễn Thị Th có mượn của bà Lê Thị L số tiền 500.000.000 đồng và hẹn đến ngày 27/01/2018 sẽ trả lại. Quá thời hạn trên, bà Th không trả. Đến ngày 05/4/2018, bà Th trả 460.000.000 đồng, bà L không đồng ý nhưng bà Th bảo nếu không lấy 460.000.000 đồng thì bà Th sẽ không trả 500.000.000 đồng, nên bà Th chấp nhận lấy số tiền 460.000.000 đồng và đã lập Giấy thanh toán có nội dung ghi 500.000.000đ – 40.000.000đ = 460.000.000đ, việc trả tiền có anh L, anh L1, anh Nh là người làm chứng và ký vào Giấy thanh toán. Nay bà L yêu cầu bà Th phải trả số tiền còn lại 40.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Tháng 01/2018, bà Th có vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 05/4/2018, bà Th đã thanh toán hết số nợ cho bà L, số tiền 40.000.000 đồng đã trừ vào khoản nợ trước đó mà bà L đã giữ của vợ chồng bà Th là 42.000.000 đồng từ các công trình vợ chồng bà đã làm từ năm 2015, 2016, cụ thể: Số tiền từ công trình nhà chị H, anh H ở Khóm 5, thị trấn Hồ Xá là 12.000.000 đồng, công trình công ty xây dựng Tân Tiến- Lao Bảo 20.000.000 đồng và công trình Trường mầm non Tuổi Hồng 10.000.000 đồng. Sau khi trả tiền cho bà L, bà Th đã giữ lại các giấy tờ mượn tiền và giấy thanh toán gốc. Vì vậy, bà Th không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/11/2018, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/11/2018, nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn kháng cáo.

Ngày 28/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện V kháng nghị bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/11/2018.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 03/2019/DS-PT ngày 22/02/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L, buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho chị Lê Thị L số tiền 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 15/3/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thế Nh có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2019/DS-PT ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tại Quyết định số 75/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 21/8/2019, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2019/DS-PT ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân

cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện V.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện các bên đương sự đều thừa nhận bà Th có mượn của bà L số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/01/2018 và xác định bà L đã trả 460.000.000 đồng theo Giấy thanh toán ngày 05/4/2018. Riêng số tiền 40.000.000 đồng, nay hai bên phát sinh tranh chấp.

Bà L căn cứ vào Giấy thanh toán ngày 05/4/2018 khởi kiện để đòi số tiền 40.000.000 đồng. Xét thấy, tại Giấy thanh toán trên thể hiện nội dung: *“Sau khi trao đổi bàn bạc, tính toán vợ chồng tôi đã thỏa thuận giải quyết công nợ giữa gia đình ông Lê Thế Nh và bà Nguyễn Thị Th với bà Lê Thị L, còn gì vướng mắc hai bên sẽ đối chiếu lại với nhau”*; đồng thời, tại hồ sơ vụ án thể hiện phía ông Nhật, bà Th khai số tiền trên đã được cản trừ vào các khoản công trình do chồng bà Th là ông Nh làm ăn với bà L, cụ thể là công trình Tây Tiến 20.000.000 đồng, công trình Tuổi Hồng 10.000.000 đồng, công trình của nhà ông Hồ Sỹ Hùng 12.000.000 đồng nên không còn nợ 40.000.000 đồng nữa; về phía bà L chỉ thừa nhận số tiền 12.000.000 đồng nhận từ ông Hùng nhưng cho rằng là để trừ vào các khoản nợ khác. Như vậy, bản chất số tiền 40.000.000 đồng tranh chấp có liên quan đến việc giải quyết công nợ giữa bà L với gia đình bà Th, ông Nhật; lẽ ra, Tòa án cần phải xác minh, làm rõ có việc cản trừ hay không cản trừ số tiền 40.000.000 đồng; ngược lại, Tòa án cấp phúc thẩm lại tách ra với nhận định: *“...trong trường hợp có các tài liệu chứng cứ khác chứng minh có việc giao nhận tiền giữa anh Nhật và chị L trong việc làm ăn chung với nhau thì anh Nhật có quyền khởi kiện yêu cầu chị L hoàn trả số tiền trên bằng một vụ án dân sự khác”* là không thích đáng, không phù hợp với bản chất của việc tranh chấp số tiền 40.000.000 đồng như phân tích trên.

[2] Mặc khác, Bà Th cung cấp chứng cứ Giấy Thu, nợ cũ của Nh trả, trong đó có thể hiện nội dung: *“số tiền 42.000.000 đồng (có nhận)* (bút lục 192), theo ông Nh khai chữ viết *“có nhận”* do bà L ghi, tại phiên tòa phúc thẩm bà L không thừa nhận chữ viết này do bà ghi, ông Nh có yêu cầu giám định đối với chữ viết này (bút lục 150) nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không tiến hành thủ tục

giám định theo quy định tại Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự để làm cơ sở đánh giá xem xét yêu cầu của bà L là thiếu sót.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “...chị L khởi kiện chị Th trên cơ sở chứng cứ photo không có công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 94 và 95 BLTTDS, vì vậy không đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”. Xét thấy, mặc dù Giấy thanh toán do bà L cung cấp là bản photo nhưng căn cứ vào lời khai của các bên đương sự đều thừa nhận nội dung trong tài liệu này (trừ phần nội dung ghi dòng chữ “*Đã quyết toán hoàn tất rõ ràng công việc của Công ty và cá nhân*” thì bà L không thừa nhận), lời khai thừa nhận này của các đương sự cũng được xem là nguồn chứng cứ. Còn đối với phần nội dung mà bà L không thừa nhận nêu trên, bà L khai do bà Th ghi thêm vào, Tòa án cấp sơ, phúc thẩm cũng chưa làm rõ vấn đề này.

[4] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nh khai rằng: “số nợ 42 triệu là công trình riêng của vợ chồng phát sinh từ năm 2015, 2016 trước thời điểm làm chung với chị L,... số tiền này từ công ty xây dựng Tân Tiến, Mầm non Tuổi Hồng từ chính tay tôi lấy đưa chị L”(bút lục 184) nhưng tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2018 của Công an huyện V, ông Nh lại khai: “Vào năm 2016, tôi có thi công phần đá Granitic cho Công ty Tây Tiến, sau khi thi công xong, Công ty còn nợ lại của tôi số tiền 24.000.000 đồng. Sau đó, Công ty Tây Tiến đã chuyển về số tài khoản của bà L 20.000.000 đồng trả cho tôi (thời gian chuyển tôi sẽ cung cấp sau). Cũng trong năm 2016, tôi làm công trình đá Granitic cho trường Mầm non Tuổi Hồng, sau khi làm xong trường nợ lại tôi 10.000.000 đồng và đã trả cho tôi rồi nhưng cũng đưa cho bà L số tiền đó. Năm 2016, tôi cũng làm công trình nhà tư của anh H, sau khi làm xong anh H còn nợ lại tôi 12.000.000 đồng, sau đó anh H đã trả cho tôi nhưng bà L là người nhận tiền. Tất cả số tiền trên tôi chỉ tính còn lại là 40.000.000 đồng để trừ vào số tiền mà vợ chồng tôi vay bà L”(bút lục 36); qua đó, cho thấy lời khai của ông Nh không thống nhất về việc giao nhận tiền nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa làm rõ.

[5] Quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà Th cũng như ông Nh (chồng bà Th) đều thừa nhận số tiền mượn của bà L là để trả khoản nợ vợ chồng ông Nh, bà Th vay của Ngân hàng (Bút lục 37), điều này cũng phù hợp với lời khai bà L; như vậy, khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng bà Th, ông Nh nhưng Tòa án cấp phúc thẩm chỉ tuyên buộc một mình bà Th trả là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2019/DS-PT ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án

nhân dân huyện V, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 Bộ Luật Tố tụng dân sự ;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2019/DS-PT ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị về vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là bà Lê Thị L với bị đơn là bà Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thế Nh.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ pháp chế và quản lý khoa học-TANDTC
- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện V (02 bản kèm theo hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại);
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM, hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lại Văn Trình